

Bản án số: 02/2017/HSPT

Ngày 06/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Bá Sơn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Phạm Việt Cường**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đinh Ngọc Kính**, Kiểm sát viên cao cấp.

Vào ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 19/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

1. NGUYỄN VĂN H, sinh ngày 29/01/1972 tại Nam Định; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số 4XX đường T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; Số CMND: 162057275; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Văn H1 (s) và bà Bùi Thị K (c); Có vợ là Trương Thị X và 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân:

- Năm 1989, bị TAND tỉnh Nam Định xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Năm 1996, Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 1999, TAND tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt ngày 24/7/2016. Có mặt.

2. NGUYỄN MINH T (B), sinh ngày 08/8/1991 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Tổ 2X, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: số 1XX đường V, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; Số CNMD: 201600503; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn Q (s) và bà Nguyễn Thị T (s); Có vợ là Phan Thị N và 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2016. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:** Luật sư Trần Cao N, Đoàn Luật sư Thành phố Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lúc 15h30' ngày 24/7/2016 tại Ga Đà Nẵng - số 202 Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, lực lượng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng, đồn Biên phòng P bắt quả tang Nguyễn Văn H về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”; tang vật thu giữ:

+ 04 gói nylon màu trắng bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng - H khai là ma túy tổng hợp dạng đá (được niêm phong theo quy định của pháp luật);

+ 01 ĐTDĐ Iphone màu đen và có sim số: 097165XXX;

+ 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, có sim số : 0962501XXX;

+ 01 ĐTDĐ Nokia màu đen, có sim số: 0868349XXX;

+ 01 ĐTDĐ Mobi màu tím đen không sim;

+ 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Vào lúc 10h35' ngày 25/7/2016, Đồn Biên phòng P bắt, khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Minh T tại số nhà 1XX đường V, quận S, thành phố Đà Nẵng, tang vật thu giữ:

+ 01 ĐTDĐ Nokia màu đỏ - đen, số thuê bao 01262777XXX;

+ 01 ĐTDĐ Nokia màu đen - xám, số thuê bao 0126327XXX.

Quá trình điều tra xác định: Qua quan hệ bạn bè giới thiệu, Nguyễn Minh T biết Nguyễn Văn H có bán ma túy nên liên hệ mua; T mua ma túy của H, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Cuối tháng 6/2016, Nguyễn Minh T điện thoại cho Nguyễn Văn H đặt mua ma túy tổng hợp (*dạng đá*) về Đà Nẵng sử dụng và bán lại cho người khác và H đồng ý. H mua ma túy của một người tên Tùng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) trọng lượng 30gam với giá 19.000.000 đồng sau đó mang đến Đà Nẵng; tại đây H trú tại khách sạn C, số 3X-3X đường A, Đà Nẵng và thực hiện giao ma túy cho T, lấy số tiền 21.000.000 đồng. T mang ma túy về nhà sử dụng một ít và phân ra bán lại cho con nghiện khoảng 05gam thì phát hiện hàng kém chất lượng.

Nên đầu tháng 7/2016, T điện thoại cho H nói đổi lại số ma túy trên, H đồng ý và bảo T mang ma túy ra Nam Định đổi lại. T đi tàu hỏa ra Nam Định giao lại ma túy cho H; H mang lên Hà Nội gặp Tùng đổi lại số ma túy trên. Trong thời gian ở Nam Định, T điện thoại cho Phan Thị Nở - vợ của T ra Nam Định chơi (*Nở không biết T, H mua bán ma túy*). Sau đó tất cả 03 người đi tàu vào Đà Nẵng. Khi đến Đà Nẵng, vợ chồng T về nhà còn H đến trọ tại khách sạn C tại quận N. Đến tối, T đến khách sạn, tại đây H giao số ma túy đã đổi cho T trọng lượng 30gam. Số ma túy này, T đem về nhà sử dụng một ít, còn lại phân ra bán cho con nghiện có giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/01 gói. T bán hết số ma túy này, thu lại vốn 21.000.000 đồng và lời khoảng 4.000.000 đồng.

- **Lần thứ hai:** Ngày 17/7/2016, Nguyễn Minh T điện thoại cho Nguyễn Văn H liên hệ để mua ma túy. H đồng ý và yêu cầu T chuyển tiền ra cho H. Ngày 18/7/2016, T chuyển cho H số tiền 10.000.000 đồng; đến ngày 21/7/2016 T chuyển tiếp cho H số tiền 80.000.000 đồng (*tổng số tiền T chuyển cho H: 90.000.000 đồng*). Cả hai lần T chuyển cho H qua hệ thống Bankplus của Viettel tại Đà Nẵng (*dịch vụ ngân hàng di động của Viettel*). H lên Hà Nội mua 300gam ma túy đá của một người tên Tùng (*không rõ tên tuổi, địa chỉ*) tại cầu Thanh Trì - Hà Nội với giá 120.000.000 đồng với mục đích đem vào Đà Nẵng bán cho T; nếu T không mua hết thì H đem về. Ngày 23/7/2017, H mang số ma túy trên đi tàu hỏa từ Nam Định vào Đà Nẵng để bán cho T tại khách sạn phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (*như đã hẹn trước*), nhưng ngày 24/7/2016, khi H vừa xuống ga Đà Nẵng thì bị phát hiện bắt giữ.

Kết luận giám định số: 482/C54C(Đ4) ngày 26/7/2016 của phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Chất trắng (dạng tinh thể) màu trắng đựng trong 04 gói nylon thu được có thành phần Methamphetamine; Tổng khối lượng: **301,30gam**; hàm lượng Methamphetamine trung bình **63,53%** (trọng lượng theo hàm lượng: 191,42gam).

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 19/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:**

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Điểm e Khoản 3, Khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Văn H 18 (Mười tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam ngày 24/7/2016.

- Áp dụng: Điểm b, m Khoản 2, Khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Minh T 12 (Mười hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam ngày 25/7/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung đối với các bị cáo xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2017, bị cáo Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18-09-2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 26/2017/KN-HS-VC2 với nội dung áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn H, điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Minh T và tăng mức hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận kháng nghị số 26/2017/KN-HS-VC2 ngày 18-9-2017 của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng và bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H, đề nghị: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn H đúng người, đúng tội nên giữ nguyên hình phạt án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Bản án số 39/2017/HSST ngày 19-08-2017 của TAND Tp Đà Nẵng xét xử các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T (B), về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Với hành vi mua bán chất ma túy thể rắn (Methamphetamine) có hàm lượng 63,53%. Kết luận điều tra số 15/PC47 ngày 28-12-2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng; Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 14-06-2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đà Nẵng và Bản án số 39/2017/HSST ngày 19-08-2017 của TAND Tp Đà Nẵng; Truy tố xét xử Nguyễn Văn H theo điểm e khoản 3 Điều 194; Nguyễn Minh T theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng hành vi phạm tội của Nguyễn Văn H; Tuyên xử mức án 18 năm tù là phù hợp tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh T mua bán chất ma túy 1 lần nhưng tổng định lượng phạm vào điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung theo điểm b khoản 2 Điều 194 là không phù hợp. Theo các biên bản ghi lời khai ngày 15, 17-07-2016 của bị cáo thì ngoài lần phát hiện bắt quả tang ngày 14-07-2016; Nguyễn Minh T khai nhận trước đó có lần mua ma túy của Nguyễn Văn H. Do đó có căn cứ để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình nộp lại đầy đủ số tiền thu lợi bất chính theo quyết định của

bản án sơ thẩm (Biên lai số 000940 ngày 29-9-2017 tại Cục thi hành án dân sự Đà Nẵng) thể hiện sự ăn năn hối cải của hành vi vi phạm đã gây ra của bị cáo. Vì vậy kháng cáo xin giảm án của Nguyễn Minh T có cơ sở để chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng không có cơ sở để chấp nhận. Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Minh T. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn H: 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-7-2016.

Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Minh T (B): 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2016.

2/. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Các bị cáo;
- Luật sư;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn